

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày 04 -11-2019
*“Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị P Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Hải;
2. Bà Võ Thị Mơ;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2019/TLST-DS, ngày 05/03/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39a/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; có mặt.
Địa chỉ: Thôn 7, xã Trường Xuân, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P; vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Trường Xuân, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn M.

Người đại diện hợp pháp của ông M: Bà Nguyễn Thị H, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2019; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Căn cứ giấy cam kết vay tiền tháng 12/2015 AL (Theo quy định là tương ứng với thời điểm cuối tháng nhằm ngày 07/02/2016 DL) ông T và bà P có vay của bà H và ông M số cà phê là 3.800 kg (Ba nghìn tám trăm) cà phê nhân xô đủ độ và 71.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/01/2016 AL (nhằm ngày 27/02/2016 DL), lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Đến cuối tháng 12/2016 ông T và bà P có trả cho bà H và ông M số tiền là 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận quy ra cà phê là 02 tấn (2.000 kg) theo giá tại thời điểm ngày trả nợ. Vậy, tính đến nay ông T và bà P còn nợ bà H và ông M là 1.800 kg cà phê nhân xô đủ độ và 71.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi tính từ ngày vay đến nay là 29.000.000 đồng (thời hạn tính lãi từ tháng 07/02/2016 đến 27/8/2019).

Bà H và ông M đồng ý để cho ông T và bà P trả số tiền gốc là 71.000.000 đồng và tiền lãi là 29.000.000 đồng (thời hạn tính lãi tính từ ngày 07/02/2016 đến ngày 27/8/2019), tổng cộng cả gốc và lãi là 100.000.000 đồng và 1.800 kg cà phê nhân xô đủ độ. Thời hạn trả khoản nợ trên bà H và ông M vẫn đồng ý để cho ông T và bà P trả như đã thỏa thuận với ông T tại biên bản hòa giải ngày 27/8/2019 vào các đợt như sau:

- Đợt 01 vào ngày 28/12/2019 trả 71.000.000đ tiền gốc.
- Đợt 2 trả vào ngày 28/12/2020 trả 29.000.000 đồng tiền lãi và 900 kg cà phê nhân xô đủ độ.
- Đợt 3: Vào ngày 28/12/2021 trả số cà phê còn lại là 900 kg cà phê nhân xô.

Tuy nhiên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì ông T và bà P phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành theo quy định của pháp luật.

Mặc dù cho trả theo các đợt như thỏa thuận nhưng bà H và ông M yêu cầu trường hợp ông T và bà P vi phạm đợt 1 thì bà H và ông M có quyền yêu cầu thi hành án luôn tất cả các đợt với tổng số tiền nợ và cà phê trên.

Về chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã nộp các giấy cam kết vay tiền và cà phê bản gốc cho Tòa án, bên bị đơn cũng thừa nhận số nợ và chữ ký trong giấy vay. Vì vậy, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản lấy lời khai, hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:
Ông Nguyễn Văn T đồng ý với lời trình bày của bà H và ông M về số nợ như giấy cam kết đã ký nhận. Hiện ông bà đã trả được 100.000.000 đồng (tương đương 02 tấn cà phê nhân theo giá thời điểm). Mặc dù bà P vắng mặt nhưng ông T và bà H yêu cầu công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Tại phiên hòa giải vắng mặt bà P ông T đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn M số tiền gốc là 71.000.000 đồng và tiền lãi là 29.000.000 đồng (thời hạn tính lãi tính từ ngày 07/02/2016 đến ngày 27/8/2019), tổng cộng cả gốc và lãi là 100.000.000 đồng và 1.800 kg cà phê nhân xô đủ độ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông T đồng ý trả cho bà H và ông M khoản nợ trên vào các đợt như sau:

- Đợt 01 vào ngày 28/12/2019 trả 71.000.000đ tiền gốc.

- Đợt 2 trả vào ngày 28/12/2020 trả 29.000.000 đồng tiền lãi và 900 kg cà phê nhân xô đủ độ.

- Đợt 3: Vào ngày 28/12/2021 trả số cà phê còn lại là 900 kg cà phê nhân xô.

Ông T đồng ý trường hợp không trả đúng hạn thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ông T phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Căn cứ giấy cam kết vay tiền tháng 12/2015 AL, ông T và bà P có vay của bà H và ông M số cà phê là 3.800 kg (Ba nghìn tám trăm) cà phê nhân xô đủ độ và 71.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/01/2016 AL (nhằm ngày 27/02/2016 DL), lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Đến cuối tháng 12/2016 ông T và bà P có trả cho bà H và ông M số tiền là 100.000.000 đồng. Do việc vay là ông T trực tiếp thực hiện nên bà không biết cụ thể còn lại bao nhiêu, bà không biết chữ nên ý kiến ông T như thế nào thì bà đồng ý.

Tuy nhiên vì bà P vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên Tòa án xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn chưa chấp hành tốt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 289, khoản 1 Điều 290; khoản 1 Điều 302; Điều 303, Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của BLDS 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468; điểm c khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức P, miễn, giảm, P, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn M số tiền gốc là 71.000.000 đồng và tiền lãi là 29.000.000 đồng (Thời hạn tính lãi tính từ ngày 07/02/2016 đến ngày 27/8/2019), tổng cộng cả gốc và lãi là 100.000.000 đồng và 1.800 kg cà phê nhân xô đủ độ, thời hạn trả nợ các đợt như sau:

- Đợt 01 vào ngày 28/12/2019 trả 71.000.000 đồng tiền gốc.

- Đợt 2 trả vào ngày 28/12/2020 trả 29.000.000 đồng tiền lãi và 900 kg cà phê nhân xô đủ độ.

- Đợt 3: Vào ngày 28/12/2021 trả số cà phê còn lại là 900 kg cà phê nhân xô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì ông T và bà P phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp ông T và bà P vi phạm đợt 1 thì bà H và ông M có quyền yêu cầu thi hành án luôn tất cả các đợt với tổng số tiền nợ và cà phê trên.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P về kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ trú tại T5, xã X, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[1.2] Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 của BLTTDS. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét hợp đồng vay tiền và cà phê nhân xô giữa bà H, ông M và ông T và bà P là có thật, được thể hiện qua giấy cam kết vay tiền và cà phê đề tháng 12/2015 âm lịch (Do không ghi ngày nào của tháng nên để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự và phù hợp với quy định pháp luật thì được xác định là ngày cuối tháng, tức là ngày 07/02/2016 dương lịch). Tại phiên tòa nguyên đơn cũng như đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: Tại biên bản hòa giải ngày 27/8/2019 giữa bà H với ông T thể hiện nội dung: Ông T và bà P còn nợ bà H và ông M là 1.800 kg cà phê nhân xô đủ độ và 71.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi là 29.000.000 đồng (thời hạn tính lãi từ ngày 07/02/2016 đến 27/8/2019), trả vào các đợt như sau:

- Đợt 01 vào ngày 28/12/2019 trả 71.000.000 đồng tiền gốc.

- Đợt 2 trả vào ngày 28/12/2020 trả 29.000.000 đồng tiền lãi và 900 kg cà phê nhân xô đủ độ.

- Đợt 3: Vào ngày 28/12/2021 trả số cà phê còn lại là 900 kg cà phê nhân xô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì ông T và bà P phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp ông T và bà P vi phạm đợt 1 thì bà H và ông M có quyền yêu cầu thi hành án luôn tất cả các đợt với tổng số tiền nợ và cả phê trên.

Tại phiên tòa bà H đồng ý như nội dung đã thỏa thuận trên, lý do bà H cho rằng đã đồng ý với ông T, xét hoàn cảnh ông T khó khăn nên bà H yêu cầu HĐXX chấp nhận ý kiến của bà H như đã thỏa thuận với ông T. Xét việc bà H để cho ông T và bà P trả nợ như đã thỏa thuận trên là tự nguyện, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên chấp nhận ý kiến của nguyên đơn. Đồng thời việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 474 của BLDS năm 2005 quy định.

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa Pận khác.”.

Vì vậy, trên cơ sở chứng cứ và trình bày của các đương sự thì yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông T, bà P trả số nợ như trình bày trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu tính đến ngày hòa giải như đã thỏa thuận với ông T nên HĐXX không tính đến ngày xét xử.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm xét xử giá cả phê theo kết quả xác minh tại địa phương là 33.400 đồng / 01 kg (1.800 kg x 33.400 đồng/ 01 kg) = 60.120.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 5.387.500 đồng (*Năm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004771 ngày 05/03/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 289, khoản 1 Điều 290; khoản 1 Điều 302; Điều 303, Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 của BLDS 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468; điểm c khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn M số nợ là 1.800 kg (một nghìn tám trăm) cà phê nhân xô đủ độ và 71.000.000 đồng (*Bảy mươi một triệu đồng*) tiền gốc, tiền lãi là 29.000.000 đồng (*Hai mươi chín triệu đồng*), thời hạn tính lãi từ ngày 07/02/2016 đến 27/8/2019), số nợ này trả vào các đợt như sau:

- Đợt 01 vào ngày 28/12/2019 trả 71.000.000 đồng tiền gốc.
- Đợt 2 trả vào ngày 28/12/2020 trả 29.000.000 đồng tiền lãi và 900 kg cà phê nhân xô đủ độ.
- Đợt 3: Vào ngày 28/12/2021 trả số cà phê còn lại là 900 kg cà phê nhân xô.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P vi phạm trả nợ đợt 1 thì bà H và ông M có quyền yêu cầu thi hành án luôn tất cả các đợt với tổng số tiền nợ và cà phê trên.

2. Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P phải nộp 8.006.000 đồng (*Tám triệu không trăm linh sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 5.387.500 đồng (*Năm triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0004771 ngày 05/03/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Pận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- Viện KSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

